

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam

#### BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp cấp phép, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam giữa Viện Hải dương học Thái Bình Dương V.I. Il'ichev, Phân viện Viễn Đông, Viện Hàn lâm Khoa học Nga và Viện Địa chất và Địa vật lý biển, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tại Công hàm số 1768 ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Đại sứ quán Liên bang Nga tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép Viện Hàn lâm Khoa học Nga (Viện Hải dương học Thái Bình Dương V.I. Il'ichev, Phân viện Viễn Đông) và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện Địa chất và Địa vật lý biển) được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam.

a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:

- Thực hiện các hợp tác khảo sát, nghiên cứu địa chất, địa vật lý, địa hóa và hải dương học tại vùng biển Việt Nam để xác định các điều kiện và cơ chế hình thành ba bề trầm tích lớn, cũng như nghiên cứu dòng khí và bản chất của các đá kết

ting tại ba khu vực: (i) Khu vực I: thềm lục địa Đông Nam (Bể Nam Côn Sơn); (ii) Khu vực II: thềm trung Miền Trung (Bể Phú Khánh); (iii) Khu vực III: thềm Miền Trung phía Bắc (Bể Sông Hồng);

- Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học Địa chất và Môi trường biển giữa Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học Nga, nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ trong nghiên cứu biển của các nhà khoa học hai nước.

b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:

- Đo các khí nhà kính và thủy ngân trong lớp khí quyển gần mặt nước biển trong hành trình tàu chạy và tại các trạm đo. Mô tả đặc điểm sự phân bố của methane, carbon dioxide và thủy ngân.

- Đo các thông số hải dương học trong nước biển bằng thiết bị CTD (nhiệt độ, độ mặn, chlorophyll, độ đục, oxy hòa tan) và lấy mẫu nước biển bằng hệ thống Rosette.

- Thu thập các mẫu nước trong cột nước biển.

- Thu thập các mẫu trầm tích bằng ống phóng trọng lực với khả năng xuyên sâu bên dưới bề mặt đáy biển là 5m.

- Lấy mẫu trầm tích đáy biển.

- Cào các đáy biển cứng để lấy các mẫu đá.

- Thực hiện các công tác đo các trường địa vật lý như trọng lực, từ trường và đo cấu trúc địa tầng đáy biển bằng thiết bị đo địa chấn - địa tầng. Đo địa chấn địa tầng được thực hiện bằng thiết bị áp dụng nguyên lý âm học với nguồn điện thấp sinh ra sóng âm xuyên xuống lòng đất đáy biển với độ sâu bên dưới bề mặt đáy biển không vượt quá 500m.

- Tìm kiếm và nghiên cứu các vi sinh vật oxi hóa hay sản sinh ra khí methane trong các trầm tích đáy và nước biển.

- Phân tích tính chất quang học của nước biển

- Nghiên cứu các tính chất của nước biển dựa trên các mẫu lấy được từ nhóm thủy văn biển.

c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:

- Phạm vi nghiên cứu bao gồm khu vực thềm lục địa từ bắc Miền Trung đến Miền Nam (*chi tiết vị trí, tọa độ tại Phụ lục 01, Phụ lục 02*).

d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu: Lấy mẫu bằng ống phóng trọng lực (Gravity

sediment corer); lấy mẫu các đá cứng đáy biển bằng cào đáy đại dương (Bottom Dredge); lấy mẫu trầm tích đáy bằng cuốc đại dương (Bottom Grab “Ocean-2”); lấy mẫu nước biển bằng hệ thống Rosette; đo các trường địa vật lý bằng các máy đo địa vật lý; đo các thông số hải dương học (CTD probe SBE911, SBE19, RBR).

- Phương tiện nghiên cứu: Tàu Akademik M.A. Lavrentyev, quốc tịch: Liên bang Nga, số đăng ký (IMO / MMSI): 8211162 / 273430900.

*(Thông tin chi tiết của tàu kèm theo hồ sơ xin cấp phép).*

- Thiết bị nghiên cứu: Ống phóng trọng lực (Gravity sediment corer); cào đáy đại dương (Bottom Dredge); cuốc đại dương (Bottom Grab “Ocean-2”); hệ thống Rosette; thiết bị đo sâu, đo địa chấn nông; thiết bị đo trọng lực Chekan; thiết bị đo từ Proton; thiết bị CTD probe SBE911, SBE19, RBR; thiết bị Seabed temperature sensors.

đ) Lịch trình nghiên cứu:

- Thực hiện khảo sát khu vực I từ ngày 17/3 đến ngày 27/3/2025.
- Thực hiện khảo sát khu vực II từ ngày 28/3 đến ngày 07/4/2025.
- Thực hiện khảo sát khu vực III từ ngày 08/4 đến ngày 18/4/2025.

*(Sơ đồ, tọa độ chi tiết vị trí khảo sát kèm theo tại Phụ lục 03 đến Phụ lục 05)*

e) Các cảng đến và đi:

- Cảng đến: Cảng Nha Trang.
- Cảng đi: Cảng Hải Phòng.

g) Tên, quốc tịch của các thành viên, nhà khoa học nước ngoài; tên của các thành viên, nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:

Tổng số: 42 người, trong đó:

- Số các thành viên, nhà khoa học nước ngoài tham gia: 30 người;
- Số thành viên, nhà khoa học Việt Nam: 12 người (bao gồm 01 nhà khoa học của Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

*Phụ lục 06: Danh sách các cán bộ khoa học phía Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu trên tàu Akademik M.A. Lavrentyev.*

*Phụ lục 07: Danh sách các nhà khoa học nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu trên tàu Akademik M.A. Lavrentyev.*

h) Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày 04 tháng 3 năm 2025 đến ngày 02 tháng 5 năm 2025.

**Điều 2.** Viện Hàn lâm Khoa học Nga (Viện Hải dương học Thái Bình Dương V.I. Il'ichev, Phân viện Viễn Đông) và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện Địa chất và Địa vật lý biển) có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng các nội dung trong Hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

d) Tuân thủ đúng quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

đ) Có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan, đơn vị liên quan: Quân chủng Hải quân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam về vị trí tọa độ, lịch trình, thời gian, kế hoạch hoạt động cụ thể, tần số liên lạc, hô hiệu của Tàu nghiên cứu “Akademik M.A. Lavrentyev” hoạt động trong các vùng biển Việt Nam để các cơ quan, đơn vị biết, triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

e) Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và khai báo y tế theo các quy định hiện hành của Bộ Y tế và địa phương;

g) Thuyền trưởng của tàu chịu trách nhiệm về an ninh, an toàn hàng hải theo Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các yêu cầu về an toàn dầu khí quy định tại Luật Dầu khí;

h) Tuân thủ đúng địa điểm, vị trí tọa độ, lịch trình, thời gian của chuyến khảo sát theo đúng sơ đồ cấp phép và không được sử dụng vật liệu nổ, hóa chất độc để nghiên cứu.

i) Tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh của Việt Nam; không được đi qua và hoạt động trong khu vực cảng, vùng nước trước cầu cảng quân sự, công trình chiến đấu phòng thủ hiện hữu, công trình quốc phòng, các khu vực huấn luyện, diễn tập quân sự và các khu vực dành cho quân sự.

k) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện Địa chất và Địa vật lý biển) chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam. Chỉ tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học vì mục đích hòa bình; không tiến hành hoạt động khác ngoài các hoạt động nghiên cứu khoa học theo nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

**Điều 4.** Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Nga (Viện Hải dương học Thái Bình Dương V.I. Il'ichev, Phân viện Viễn Đông) và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện Địa chất và Địa vật lý biển), Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga (Bộ Quốc phòng) và UBND tỉnh có vị trí nghiên cứu, khảo sát chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Thứ trưởng Lê Minh Ngân (để báo cáo);
- Các Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Công an, KH&CN, GTVT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hải Phòng, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- ĐSQ Liên bang Nga tại Việt Nam;
- Các Vụ: HTQT, KHCN (Bộ TN&MT);
- Lưu: VT, BHDVN.

**TUQ. BỘ TRƯỞNG  
CỤC TRƯỞNG  
CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM**

**Nguyễn Đức Toàn**

**Phụ lục 01: Vị trí khảo sát đo đạc lấy mẫu dự kiến**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 10 năm 2024  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng  
biển Việt Nam)*

<b>Vị trí</b>	<b>Kinh độ (°)</b>	<b>Vĩ độ (°)</b>	<b>Khu vực</b>
1	109,367330	10,863261	Khu vực I
2	109,494029	10,724859	Khu vực I
3	109,403729	10,542077	Khu vực I
4	109,160973	10,436790	Khu vực I
5	109,257750	10,202721	Khu vực I
6	108,912771	9,697476	Khu vực I
7	108,618504	9,470372	Khu vực I
8	108,732215	9,323228	Khu vực I
9	108,471460	9,339451	Khu vực I
10	108,455281	9,104886	Khu vực I
11	108,315593	9,234546	Khu vực I
12	108,176216	9,303413	Khu vực I
13	108,177147	9,121033	Khu vực I
14	108,398896	8,661704	Khu vực I
15	108,216034	8,313501	Khu vực I
16	108,049835	8,529894	Khu vực I
17	107,883770	8,720233	Khu vực I
18	107,649899	9,001466	Khu vực I
19	107,491216	9,022481	Khu vực I
20	107,190081	8,439263	Khu vực I
21	107,487279	8,093171	Khu vực I
22	107,792807	8,242160	Khu vực I
23	107,924077	7,634789	Khu vực I
24	108,239048	7,636174	Khu vực I
26	107,771719	6,843786	Khu vực I
27	107,378499	7,276306	Khu vực I

<b>Vị trí</b>	<b>Kinh độ (°)</b>	<b>Vĩ độ (°)</b>	<b>Khu vực</b>
28	106,994145	7,674124	Khu vực I
29	106,731258	8,107216	Khu vực I
30	106,398772	8,557373	Khu vực I
31	105,966105	8,208071	Khu vực I
32	106,246547	7,740316	Khu vực I
33	106,474767	7,289701	Khu vực I
34	106,807254	6,839545	Khu vực I
36	105,289616	7,961916	Khu vực I
37	105,482903	7,545888	Khu vực I
38	109,571403	11,311435	Khu vực II
39	109,853614	11,347416	Khu vực II
40	109,692515	11,416187	Khu vực II
41	109,404938	11,579937	Khu vực II
42	109,996114	11,517400	Khu vực II
43	109,821937	11,594798	Khu vực II
44	109,534538	11,723809	Khu vực II
45	109,594716	11,850006	Khu vực II
46	109,996114	11,517400	Khu vực II
47	109,816194	11,868350	Khu vực II
48	110,147237	11,700449	Khu vực II
49	110,003093	11,851802	Khu vực II
50	110,242060	11,848510	Khu vực II
51	109,823417	12,154986	Khu vực II
52	109,583363	12,371054	Khu vực II
53	110,023394	12,129810	Khu vực II
54	110,205994	12,104558	Khu vực II
55	109,791740	12,402368	Khu vực II
56	109,991695	12,381535	Khu vực II
57	110,295917	12,361160	Khu vực II
58	109,616653	12,657805	Khu vực II

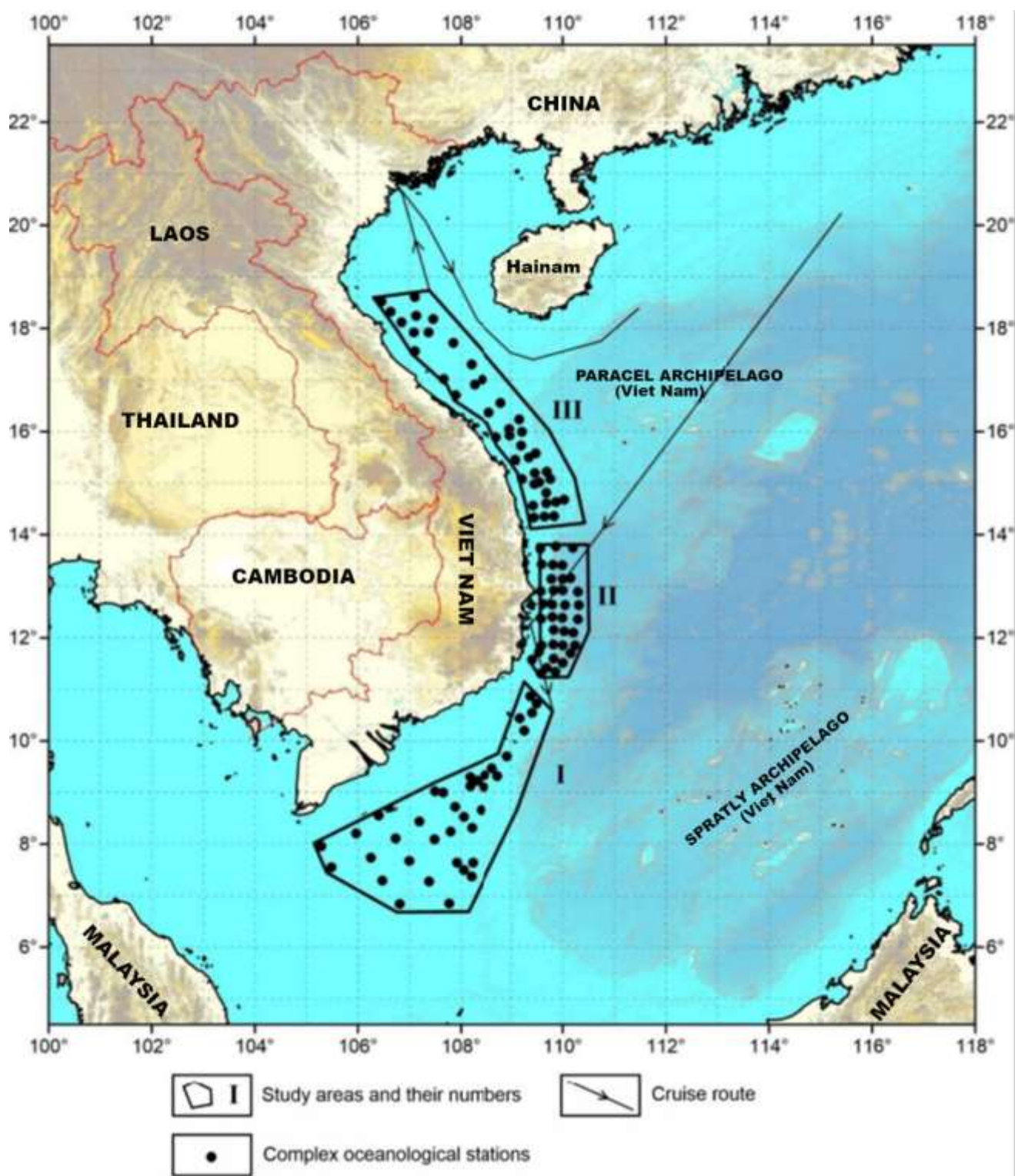
<b>Vị trí</b>	<b>Kinh độ (°)</b>	<b>Vĩ độ (°)</b>	<b>Khu vực</b>
59	109,794863	12,641218	Khu vực II
60	110,042541	12,633623	Khu vực II
61	110,311918	12,630465	Khu vực II
62	109,576309	12,900806	Khu vực II
63	109,823875	12,914923	Khu vực II
64	109,997653	12,915687	Khu vực II
65	110,297552	12,890951	Khu vực II
66	109,774909	13,144859	Khu vực II
67	109,996498	13,141491	Khu vực II
68	110,152831	13,155206	Khu vực II
69	109,588850	13,421960	Khu vực II
70	109,801771	13,414211	Khu vực II
71	109,988627	13,406348	Khu vực II
72	109,561206	13,730155	Khu vực II
73	109,865117	13,770574	Khu vực II
74	110,195428	13,745972	Khu vực II
75	109,440820	14,333231	Khu vực III
76	109,640575	14,351479	Khu vực III
77	109,827364	14,356643	Khu vực III
78	109,424077	14,567030	Khu vực III
79	109,677113	14,607847	Khu vực III
80	109,866287	14,632869	Khu vực III
81	110,025564	14,678859	Khu vực III
82	109,678514	14,816923	Khu vực III
83	109,450544	14,980304	Khu vực III
84	109,550266	15,019825	Khu vực III
85	109,758489	15,081536	Khu vực III
86	109,213262	15,079138	Khu vực III
87	109,455973	15,193110	Khu vực III
88	109,688245	15,224529	Khu vực III



<b>Vị trí</b>	<b>Kinh độ (°)</b>	<b>Vĩ độ (°)</b>	<b>Khu vực</b>
89	109,072330	15,451972	Khu vực III
90	109,341463	15,496580	Khu vực III
91	109,471396	15,575316	Khu vực III
92	109,192553	15,730420	Khu vực III
93	108,705177	15,884606	Khu vực III
94	108,965665	15,920491	Khu vực III
95	109,208598	15,991039	Khu vực III
96	108,956310	16,050725	Khu vực III
97	109,155221	16,233984	Khu vực III
98	108,563667	16,370342	Khu vực III
99	108,788645	16,553716	Khu vực III
100	107,892892	16,706105	Khu vực III
101	108,265492	16,907499	Khu vực III
102	108,430048	17,012442	Khu vực III
103	107,665382	17,017764	Khu vực III
104	108,202671	17,298046	Khu vực III
105	107,852940	17,722072	Khu vực III
106	107,097808	17,562421	Khu vực III
107	107,365297	17,928366	Khu vực III
108	107,459587	18,180645	Khu vực III
109	107,082931	17,922782	Khu vực III
110	107,129099	18,239986	Khu vực III
111	106,842988	18,117138	Khu vực III
112	107,129099	18,239986	Khu vực III
113	106,633389	18,324656	Khu vực III
114	107,101166	18,604633	Khu vực III
115	106,449901	18,523603	Khu vực III

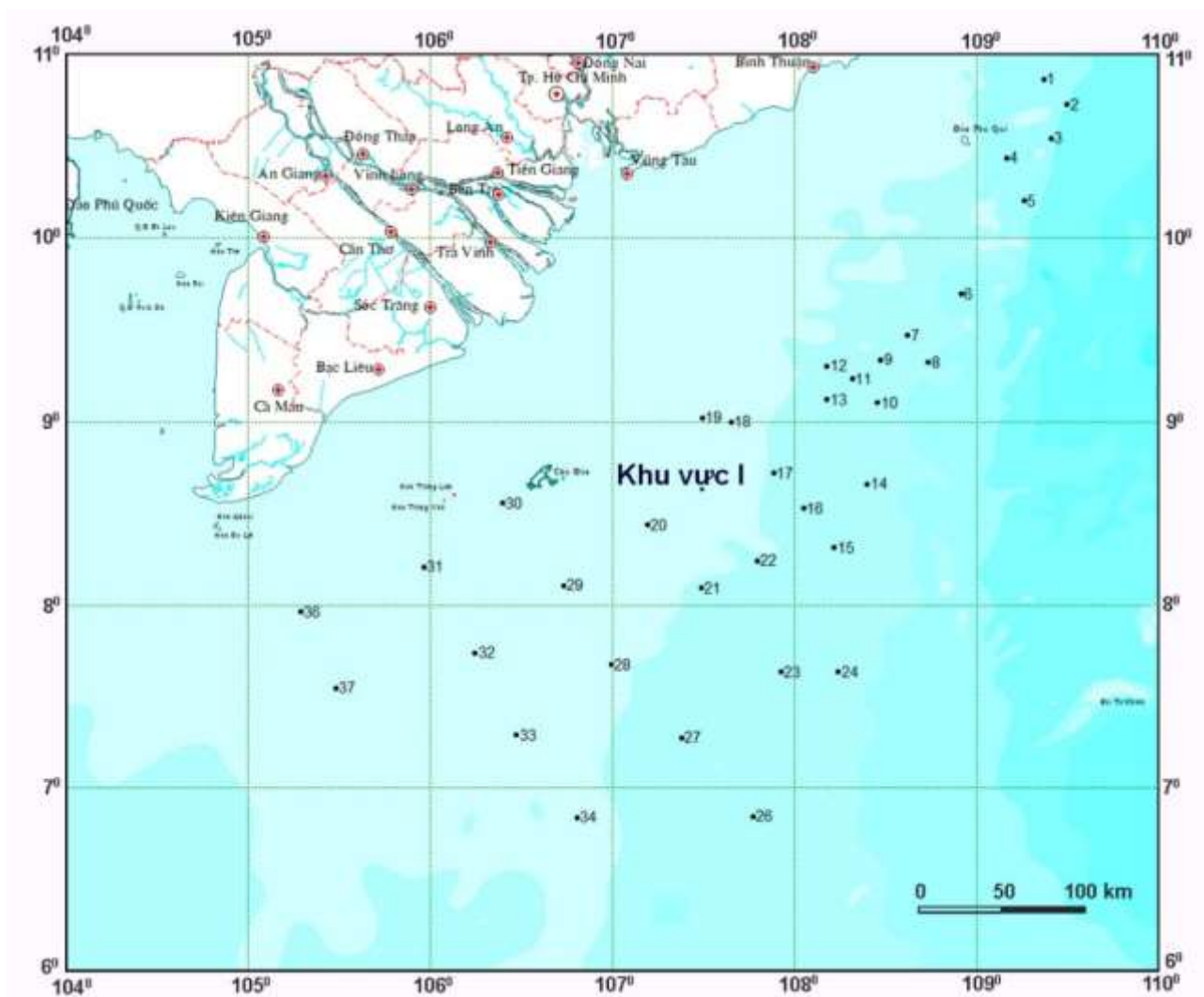
**Phụ lục 02: Bản đồ với tỉ lệ thích hợp thể hiện rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)



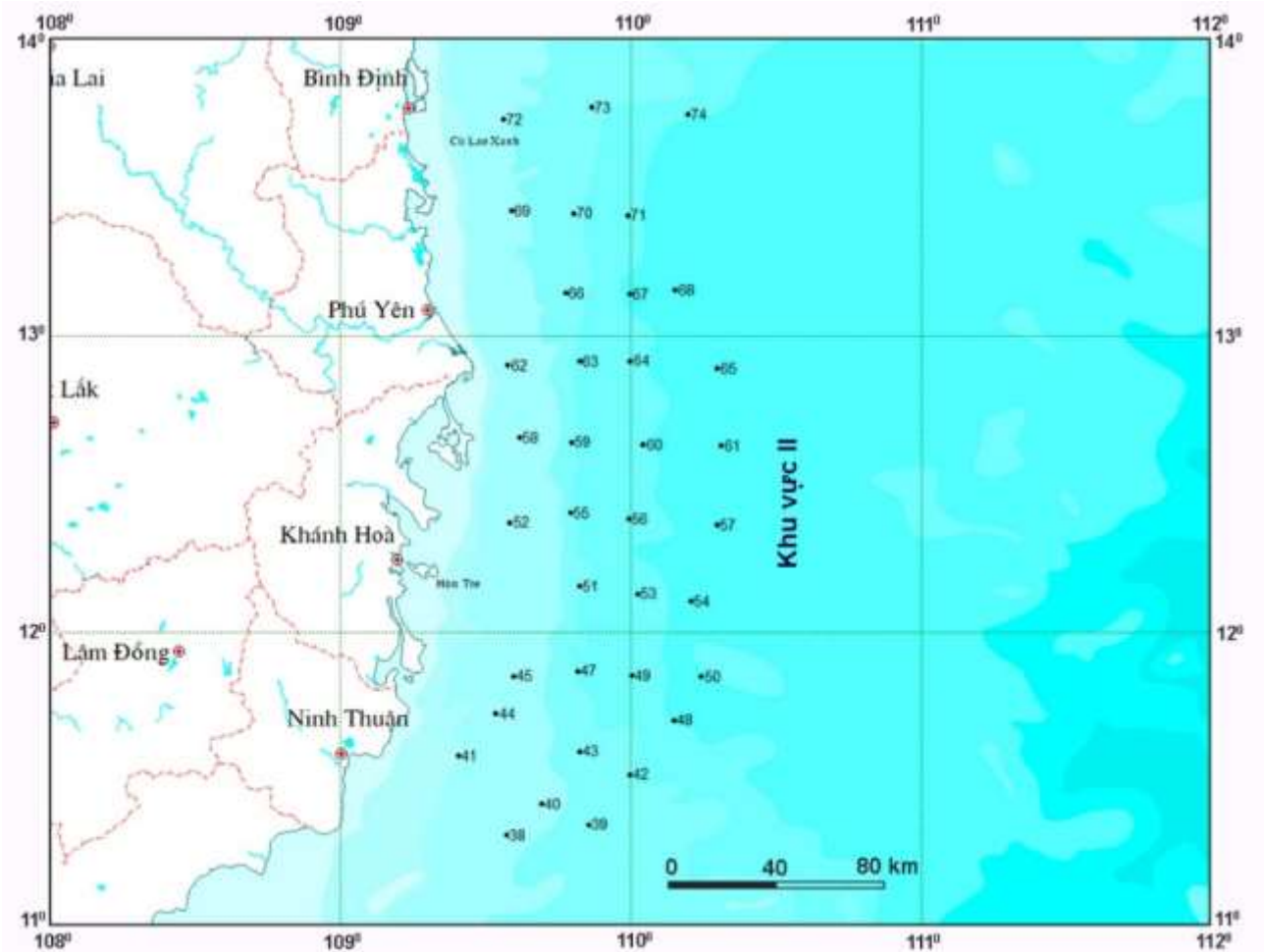
### Phụ lục 03: Các điểm khảo sát trong khu vực I

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 10 năm 2024  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng  
biển Việt Nam)



**Phụ lục 04: Các điểm khảo sát trong khu vực II**

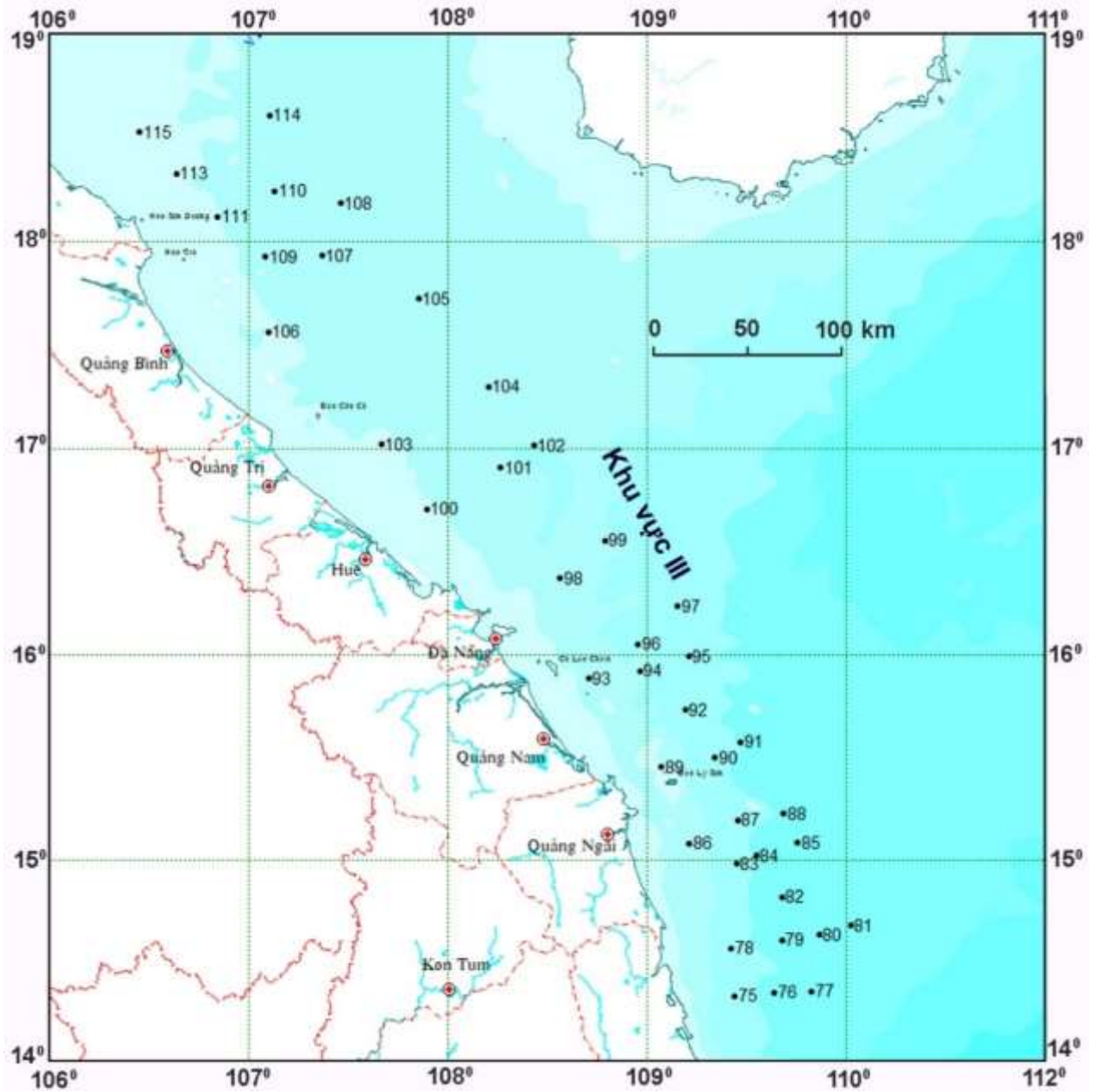
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 10 năm 2024  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng  
biển Việt Nam)





### Phụ lục 05: Các điểm khảo sát trong khu vực III

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)



**Phụ lục 06. Danh sách các cán bộ khoa học phía Việt Nam  
tham gia hoạt động nghiên cứu trên tàu Akademik M.A. Lavrentyev  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 10 năm 2024  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng  
biển Việt Nam)**

STT	Họ và Tên	Vị trí	Quốc tịch	Ngày sinh	Số hộ chiếu CCCD
1	Nguyễn Trung Thành	Đồng trưởng đoàn	Việt Nam	05.09.1976	125756216
2	Lê Đức Anh	Phó đồng trưởng đoàn	Việt Nam	01.02.1982	001082001235
3	Nguyễn Ngọc Tiến	Thành viên	Việt Nam	01.08.1982	013677990
4	Nguyễn Kim Dũng	Thành viên	Việt Nam	10.03.1985	001085024891
5	Lê Đức Lương	Thành viên	Việt Nam	18.12.1983	012224075
6	Đặng Minh Tuấn	Thành viên	Việt Nam	06.08.1984	113174800
7	Đặng Hoài Nhơn	Thành viên	Việt Nam	04.09.1977	001077009738
8	Nguyễn Hữu Hải	Thành viên	Việt Nam	10.12.1982	225207019
9	Dương Trọng Nghĩa	Thành viên	Việt Nam	21.09.1987	036087002671
10	Huỳnh Đức Long	Thành viên	Việt Nam	05.05.1977	E01482493
11	Trương Văn Tân	Thành viên	Việt Nam	05.12.1983	14006763
12	Nhà khoa học được cử theo Công văn số 3539/BQP-TM ngày 28/8/2024 của Bộ Quốc phòng				

**Phụ lục 07. Danh sách các nhà khoa học nước ngoài  
tham gia hoạt động nghiên cứu trên tàu Akademik M.A. Lavrentyev**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 10 năm 2024  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng  
biển Việt Nam)

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Quốc tịch	Ngày sinh	Hộ chiếu
1	Shakirov Renat	Trưởng đoàn	CHLB Nga	24.02.1975	75 0990622
2	Valitov Maksim	Phó trưởng đoàn	CHLB Nga	22.06.1974	75 3005204
3	Li Natalia	Thư ký khoa học	CHLB Nga	13.02.1978	76 9425254
4	Proshkina Zoia	Thành viên	CHLB Nga	16.12.1977	66 7398036
5	Tsovbun Nikolai	Thành viên	CHLB Nga	11.12.1944	65 4254449
6	Zhukovin Aleksandr	Thành viên	CHLB Nga	06.11.1982	65 7314033
7	Kolpashchikova Tatiana	Thành viên	CHLB Nga	21.10.1957	71 6883495
8	Iatsuk Andrei	Thành viên	CHLB Nga	26.11.1983	72 7403000
9	Bulanov Aleksei	Thành viên	CHLB Nga	21.11.1985	72 3966401
10	Telegin Iurii	Thành viên	CHLB Nga	25.01.1987	71 2885613
11	Okulov Aleksei	Thành viên	CHLB Nga	05.10.1982	72 2405184
12	Lifanskii Evgenii	Thành viên	CHLB Nga	28.09.1982	72 0837171
13	Shvalov Dmitrii	Thành viên	CHLB Nga	24.01.1995	72 4168902
14	Legkodimov Aleksei	Thành viên	CHLB Nga	27.02.1994	72 5627732
15	Sieedin Vladimir	Thành viên	CHLB Nga	21.05.1952	75 0505016

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Quốc tịch</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Hộ chiếu</b>
16	Pletnev Sergei	Thành viên	CHLB Nga	15.03.1951	72 1411624
17	Makseev Daniil	Thành viên	CHLB Nga	11.05.1995	75 4152587
18	Ponomareva Anna	Thành viên	CHLB Nga	30.01.1982	73 6725283
19	Eskova Alena	Thành viên	CHLB Nga	29.05.1991	66 4621412
20	Bovsun Mariia	Thành viên	CHLB Nga	02.06.1996	76 0051742
21	Lipinskaia Nadezhda	Thành viên	CHLB Nga	27.07.1995	75 7743623
22	Syrbu Nadezhda	Thành viên	CHLB Nga	24.04.1989	65 5404244
23	Storozhenko Andrei	Thành viên	CHLB Nga	10.04.1985	71 1582370
24	Aksentov Kirill	Thành viên dự bị	CHLB Nga	01.07.1983	71 1641248
25	Pavlov Andrei	Thành viên dự bị	CHLB Nga	21.08.1998	71 7742054
26	Kudryavtsev Valentin	Thành viên dự bị	CHLB Nga	03.03.2000	71 8669144
27	Kholmogorov Andrei	Thành viên dự bị	CHLB Nga	13.12.1986	66 1375813
28	Ivanov Maksim	Thành viên dự bị	CHLB Nga	16.11.1981	72 2178213
29	Sigeev Ilia	Thành viên dự bị	CHLB Nga	22.06.1999	76 1703555
30	Iugai Iosif	Thành viên dự bị	CHLB Nga	21.04.1959	71 7459327